

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2011	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

Địa chỉ: 39B, Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:
 - + **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**
Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%
 - + **Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)**
Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%
 - + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**
Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%
 - + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)**
Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%
 - + **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**
Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
Ông Goh Hock Choy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2011)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

4. Tình hình kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

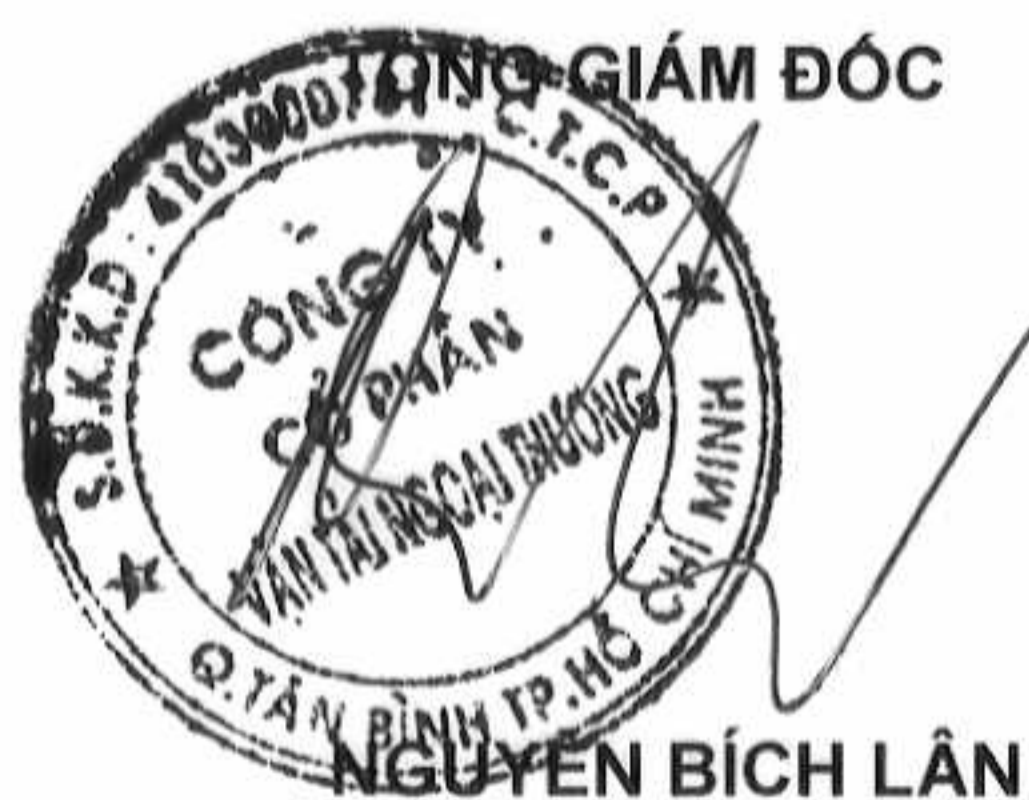
6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011


NGUYEN BICH LÂN

Số: 12.131/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 22 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 06 đến trang 30 kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Qua công tác soát xét, chúng tôi ghi nhận vấn đề sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã hợp nhất quyền lợi của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của một số công ty liên doanh, liên kết như đã nêu tại mục 1.4 của Thuyết minh đính kèm chưa được soát xét bởi các công ty kiểm toán khác.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011


KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L.
TANG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGÔ THANH BÌNH

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.888.821.489	152.059.962.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	53.724.751.487	56.694.193.307
1. Tiền	111		24.861.265.126	33.150.110.178
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.863.486.361	23.544.083.129
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.236.972.000	8.879.108.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	7.236.972.000	8.879.108.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	82.278.315.413	59.818.904.968
1. Phải thu khách hàng	131		81.507.010.365	59.948.489.809
2. Trả trước cho người bán	132		1.516.057.320	134.789.694
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		2.743.215.097	1.336.770.139
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.487.967.369)	(1.601.144.674)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.648.782.589	26.667.756.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	2.102.735.162	629.190.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.950.148	114.415.358
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.536.379.605	1.700.683.831
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	25.814.717.674	24.223.467.263

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.880.193.116	76.992.335.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		5.475.512.149	5.334.027.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	5.352.265.406	5.269.163.007
+ Nguyên giá	222		12.551.589.101	11.719.101.009
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.199.323.695)	(6.449.938.002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		123.246.743	64.864.764
+ Nguyên giá	228		160.666.817	87.672.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.420.074)	(22.807.956)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	55.220.633.256	66.660.352.385
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.064.667.929	50.478.467.058
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.355.285.327	16.581.885.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(199.320.000)	(400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.184.047.711	4.997.955.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		519.987.573	684.613.959
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	4.664.060.138	4.313.341.262
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239.769.014.605	229.052.298.342

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		101.456.789.423	97.057.721.255
I. Nợ ngắn hạn	310		93.367.897.634	90.817.062.846
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	53.792.840.989	48.992.114.625
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	9.627.025.152	15.910.081.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	4.108.263.547	13.345.231.362
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	1.863.458.906	2.424.706.116
6. Chi phí phải trả	316	(5.12)	8.338.916.759	3.246.391.609
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	12.367.032.243	3.153.177.563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.14)	3.270.360.038	3.745.360.038
II. Nợ dài hạn	330		8.088.891.789	6.240.658.409
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.15)	6.644.335.194	5.796.418.216
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		257.361.031	248.377.826
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.187.195.564	195.862.367
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.555.650.088	126.636.508.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	135.555.650.088	126.636.508.880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.634.566.400	2.634.566.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.518.523.655	1.023.359.698
4. Cổ phiếu quỹ	414		(246.508.452)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(656.708.207)	1.448.552.240
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.589.888.504	2.874.954.185
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		142.604.845	142.604.845
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		855.980.776	557.635.192
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.16.6)	71.717.302.567	62.109.836.320
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.17)	2.756.575.094	5.358.068.207
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239.769.014.605	229.052.298.342

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		1.777.048,59	1.549.419,94
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN BÍCH LÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.093.567.581	326.449.378.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		571.281.335	3.363.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	308.522.286.246	326.446.015.055
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	288.681.346.513	289.471.116.003
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.840.939.733	36.974.899.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	13.229.313.162	8.141.624.963
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.624.894.705	4.997.962.159
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			15.000.000
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	9.538.834.511	5.334.663.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.906.523.679	34.783.898.380
11. Thu nhập khác	31		240.884	22.778.059
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		240.884	22.778.059
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		513.391.790	875.519.284
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.420.156.353	35.682.195.723
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.127.317.339	7.632.913.150
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.292.839.014	28.049.282.573
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		553.628.617	2.246.387.974
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		15.739.210.397	25.802.894.599
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.16.5)	2.818	4.620

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.420.156.353	35.682.195.723
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		763.997.811	590.536.415
Các khoản dự phòng	03		2.086.142.695	913.574.777
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.480.050.369)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.349.779.139)	(4.945.691.429)
Chi phí lãi vay	06			15.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.440.467.351	32.255.615.486
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.045.885.145)	(65.348.586.165)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.811.743.652	53.247.593.474
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.308.918.538)	(250.981.366)
Tiền lãi vay đã trả	13			(15.000.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.835.935.219)	(255.266.795)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.519.754.073	3.478.408.380
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.492.146.796)	(12.021.706.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(14.910.920.622)	11.090.077.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(905.482.189)	(423.958.447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(11.868.492.000)	(17.762.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.082.000.000	16.410.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.385.622.804	4.021.202.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.693.648.615	2.245.243.698

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			1.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(1.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(643.125.000)	(4.879.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(643.125.000)	(4.879.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.860.397.007)	8.455.884.706
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.694.193.307	26.501.717.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		890.955.187	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		53.724.751.487	34.957.602.682

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty mẹ:**

- Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương**

- Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

- Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)**

- Địa chỉ: 39B, Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

- Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

- Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:

- + Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

- Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

- + Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)**

- Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

+ **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)**

Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

+ **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

1.4. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất có báo tài chính riêng chưa được soát xét

+ **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

+ **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

+ **Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)**

Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

+ **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

▪ Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
+ Phần mềm vi tính	03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được lập vào cuối năm tài chính theo quy định. Công ty mẹ trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Công ty con trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định của Luật Lao động Việt Nam.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong kỳ, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tập đoàn ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính được phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	5.585.269.833	2.242.234.859
Tiền gửi ngân hàng	19.275.995.293	30.907.875.319
Các khoản tương đương tiền	<u>28.863.486.361</u>	<u>23.544.083.129</u>
Tổng cộng	<u>53.724.751.487</u>	<u>56.694.193.307</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	81.507.010.365	59.948.489.809
Trả trước cho người bán	1.516.057.320	134.789.694
Các khoản phải thu khác	<u>2.743.215.097</u>	<u>1.336.770.139</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>85.766.282.782</u>	<u>61.420.049.642</u>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(3.487.967.369)</u>	<u>(1.601.144.674)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>82.278.315.413</u>	<u>59.818.904.968</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về khoản chi hộ phí làm hàng	512.823.160	637.408.113
Lợi nhuận được chia phải thu Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	574.362.545	-
Phải thu thuế nhà thầu của các hãng hàng không	280.588.894	276.332.231
Phải thu về khoản cho Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Ví Na vay	372.352.500	372.352.500
Khác	<u>1.003.087.998</u>	<u>50.677.295</u>
Cộng	<u>2.743.215.097</u>	<u>1.336.770.139</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.083.358.396	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	316.504.856	418.107.801
Chi phí khác chờ phân bổ	702.871.910	211.082.437
Tổng cộng	<u>2.102.735.162</u>	<u>629.190.238</u>

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	22.184.560.340	23.514.353.250
Tạm ứng	3.630.157.334	709.114.013
Tổng cộng	<u>25.814.717.674</u>	<u>24.223.467.263</u>

Ký quỹ ngắn hạn bao gồm các khoản đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không, thẻ Master Card và thẻ taxi.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	4.565.664.591	11.719.101.009
Mua trong kỳ	-	-	-	832.488.092	832.488.092
Số dư cuối kỳ	<u>3.337.273.150</u>	<u>30.070.091</u>	<u>3.786.093.177</u>	<u>5.398.152.683</u>	<u>12.551.589.101</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.005.565.091	30.070.091	1.951.306.997	2.462.995.823	6.449.938.002
Khấu hao trong kỳ	110.065.110	-	125.881.824	513.438.759	749.385.693
Số dư cuối kỳ	<u>2.115.630.201</u>	<u>30.070.091</u>	<u>2.077.188.821</u>	<u>2.976.434.582</u>	<u>7.199.323.695</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.331.708.059	-	1.834.786.180	2.102.668.768	5.269.163.007
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.221.642.949</u>	<u>-</u>	<u>1.708.904.356</u>	<u>2.421.718.101</u>	<u>5.352.265.406</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.261.740.848 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	46.064.667.929	50.478.467.058
Đầu tư dài hạn khác	9.355.285.327	16.581.885.327
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	55.419.953.256	67.060.352.385
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(199.320.000)	(400.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	55.220.633.256	66.660.352.385

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2011	Vốn góp theo phương pháp chủ sở hữu đến 30/06/2011
Tạp Chí Vietnam Logistics Review (Logistics Review)	90,00%	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Cargo Flights Việt Nam (Cargo Flights)	45,90%	908.412.000	1.139.845.223
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)	51,00%	1.623.330.000	2.102.890.351
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	48,90%	6.059.362.500	16.312.742.684
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)	40,00%	800.000.000	970.368.310
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000	6.808.674.023
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	22,00%	13.200.000.000	18.730.147.338
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000	-
Cộng		28.607.104.500	46.064.667.929

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vi Na Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng (tương đương 100.000 USD)		2.061.800.000
Cộng		9.355.285.327

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng TP. Hồ Chí Minh	4.378.625.478	4.035.190.122
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	264.069.760	256.786.240
Ký quỹ khác	21.364.900	21.364.900
Tổng cộng	<u>4.664.060.138</u>	<u>4.313.341.262</u>

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	53.792.840.989	48.992.114.625
Người mua trả tiền trước	9.627.025.152	15.910.081.533
Tổng cộng	<u>63.419.866.141</u>	<u>64.902.196.158</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	503.412.026	555.240.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.788.324.429	11.496.942.309
Thuế thu nhập cá nhân	651.028.978	1.139.676.022
Các loại thuế khác	165.498.114	153.372.423
Tổng cộng	<u>4.108.263.547</u>	<u>13.345.231.362</u>

5.11. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản trích lương tháng 13 và thưởng cuối năm 2011 phải trả.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	6.515.832.722	2.105.574.267
Tiền thưởng năng suất phải trả	569.859.198	800.000.000
Khác	1.253.224.839	340.817.342
Tổng cộng	<u>8.338.916.759</u>	<u>3.246.391.609</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	149.396.318	101.247.696
Cổ tức phải trả	102.388.500	385.513.500
Lợi nhuận phân phối phải trả cho Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	3.000.000.000	360.000.000
Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	1.320.411.155	1.472.325.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.436.707.575	378.640.000
Nhận trước tiền góp vốn của Công ty Globe Air Cargo Far East PTE để thành lập công ty liên doanh (tương đương 255.000 USD)	5.257.590.000	-
Khác	1.100.538.695	455.450.375
Tổng cộng	12.367.032.243	3.153.177.563

5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	3.745.360.038	3.662.276.080
Trích lập trong kỳ	2.448.000.000	1.210.080.786
Sử dụng trong kỳ	(2.923.000.000)	(842.274.606)
Số dư cuối kỳ	3.270.360.038	4.030.082.260

5.15. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ cược vận chuyển	3.247.335.000	2.981.790.000
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	3.377.000.194	2.794.628.216
Khác	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	6.644.335.194	5.796.418.216

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.634.566.400	513.312.022	(155.000.000)	910.273.644	1.285.256.732	520.285.154	268.004.869	27.952.298.899	89.928.997.720
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	50.353.188.182	50.353.188.182
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	510.047.676	-	538.278.596	571.697.453	17.319.691	289.630.323	(124.586.343)	1.802.387.396
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	623.000.000	-	-	-	623.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	395.000.000	-	250.000.000	197.009.780	842.009.780
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(395.000.000)	(250.000.000)	(16.268.074.198)	(16.913.074.198)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.634.566.400	1.023.359.698	(155.000.000)	1.448.552.240	2.874.954.185	142.604.845	557.635.192	62.109.836.320	126.636.508.880
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.739.210.397	15.739.210.397
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	495.163.957	(91.508.452)	(2.105.260.447)	214.934.319	-	298.345.584	(3.220.144.150)	(4.408.469.189)
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.911.600.000)	(2.911.600.000)
Số dư cuối kỳ	56.000.000.000	2.634.566.400	1.518.523.655	(246.508.452)	(656.708.207)	3.589.888.504	142.604.845	855.980.776	71.717.302.567	135.555.650.088

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.16.3. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã chi trả trong kỳ:	283.125.000	4.879.436.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011:

- Cổ tức năm 2010 được chi trả bằng tiền mặt là 20%, bằng cổ phiếu là 50%. Trong năm 2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt là 10%, 10% còn lại sẽ được chi trả vào ngày 12 tháng 07 năm 2011.
- Cổ tức năm 2011 dự kiến được chia với tỷ lệ là 20%.

5.16.4. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	15.739.210.397	25.802.894.599
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.818	4.620

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16.6. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	62.109.836.320	27.952.298.899
Chia cổ tức năm trước cho cổ đông Công ty mẹ	-	(4.467.600.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	15.739.210.397	25.802.894.599
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(500.000.000)	(623.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.411.600.000)	(1.196.172.707)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	(250.000.000)
Tăng (giảm) khác	<u>(3.220.144.150)</u>	<u>820.920.213</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>71.717.302.567</u>	<u>48.039.341.004</u>

5.17. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation), có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu là 10%.

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.358.068.207	2.137.661.389
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	553.628.617	2.246.387.974
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(36.400.000)	(13.908.079)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(3.000.000.000)	-
Tăng (giảm) khác	<u>(118.721.730)</u>	<u>69.325.698</u>
Số dư cuối kỳ	<u>2.756.575.094</u>	<u>4.439.466.983</u>

(Phần tiếp theo ở trang 28)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu - Phòng hàng không	235.883.798.542	276.250.231.677
Doanh thu - Phòng đường biển	29.305.806.969	26.952.607.875
Doanh thu - Phòng Logistics	10.044.012.984	10.329.396.758
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	14.022.952.225	2.330.629.608
Doanh thu - Phòng Bình Dương	83.727.645	1.286.562.767
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	2.608.800.841	2.456.667.714
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	7.726.264.136	4.835.668.409
Doanh thu khác	<u>8.846.922.904</u>	<u>2.004.250.247</u>
Doanh thu thuần	<u>308.522.286.246</u>	<u>326.446.015.055</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	12.487.241.820	9.460.546.922
Chi phí đồ dùng văn phòng	480.746.903	1.631.995.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	641.866.560	471.992.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.410.096.043	271.577.888.417
Chi phí bằng tiền khác	<u>19.661.395.187</u>	<u>6.328.692.460</u>
Tổng cộng	<u>288.681.346.513</u>	<u>289.471.116.003</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.392.925.813	4.120.523.582
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.997.254.766	3.714.980.079
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>1.839.132.583</u>	<u>306.121.302</u>
Tổng cộng	<u>13.229.313.162</u>	<u>8.141.624.963</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.425.574.705	4.982.962.159
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	199.320.000	-
Chi phí lãi vay	-	15.000.000
Tổng cộng	4.624.894.705	4.997.962.159

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.142.918.895	2.160.072.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.679.135	82.831.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.131.251	118.543.654
Thuế, phí, lệ phí	45.579.115	4.000.000
Chi phí dự phòng	1.929.641.312	433.104.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.398.000	-
Chi phí bằng tiền khác	4.199.486.803	2.536.112.132
Tổng cộng	9.538.834.511	5.334.663.476

7. Thông tin về các bên có liên quan

Lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	651.000.000	801.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	163.777.779	69.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	40.000.000	-
Tổng cộng	854.777.779	870.000.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 08 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN